TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – AN GIANG** --- *Bản án số: **118**/2026/HNGĐ-ST* *Ngày: 18/6/2026* *V/v:"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Toàn T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp V, xã B, tỉnh A.

- *Bị đơn:* Bà **Hà Thị Cẩm G,** sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp V, xã B, tỉnh A.

(Ông T có mặt, bà G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Nguyễn Toàn T trình bày:***

Ông và bà Hà Thị Cẩm G chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2011, trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau từ trước, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã VHH, huyện C, tỉnh K (nay là xã B, tỉnh A) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống ông và bà Hà Thị Cẩm G có 01

người con chung tên là Nguyễn Quốc K, sinh ngày 15/9/2011. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Sau khi chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hoà hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Do đó ông bà đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay thời gian đã quá lâu và tình cảm vợ chồng không còn, nên ông khởi kiện và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Hà Thị Cẩm G;

- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 15/9/2011 và ông T không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn bà Hà Thị Cẩm G:*** Đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng bà Hà Thị Cẩm G vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

**** Tại Biên bản xác minh ngày 10/3/2026 đối với Ban Lãnh Đạo ấp V, xã B, tỉnh A:***

Ban lãnh đạo ấp V, xã B, tỉnh A xác nhận bà Hà Thị Cẩm G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã B, tỉnh A, hiện tại đương sự không có mặt tại địa phương do đi làm nhưng thường xuyên đi về địa phương. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông T bà bà G thì chính quyền địa phương không nắm rõ.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Toàn T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Hà Thị Cẩm G nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp ly hôn*", bị đơn bà Hà Thị Cẩm G có nơi cư trú tại ấp V, xã B, tỉnh A nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – A theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bà Hà Thị Cẩm G chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Toàn T, Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà G vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Toàn T và bà Hà Thị Cẩm G chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VHH, huyện C, tỉnh K (nay là xã B, tỉnh A), do đó quan hệ hôn nhân của ông T và bà G là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Nguyễn Toàn T trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Hà Thị Cẩm G sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm với nhau, tính tình vợ chồng không hòa hợp và ông bà đã ly thân từ khoảng năm 2012 đến nay. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Toàn T xác định hiện nay không còn tình cảm với bà Hà Thị Cẩm G và kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Toàn T và bà Hà Thị Cẩm G không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Toàn T đối với bà Hà Thị Cẩm G theo quy định tại khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Toàn T và bà Hà Thị Cẩm G có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 15/9/2011 và ông T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu K, ông T tự nguyện không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ sau khi ly thân đến nay ông Nguyễn Toàn T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Kiệt, đồng thời cháu Kiệt cũng có nguyện vọng được ông T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu K cho ông T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sống của cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do ông T tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Bà Hà Thị Cẩm G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập bà G đúng theo quy định pháp luật nhưng bà G vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, không tiến hành đối chất được về tài sản chung và nợ chung giữa ông T và bà G. Đồng thời tại Toà án cũng như tại phiên toà ông T xác nhận trong thời gian chung sống cùng bà G thì ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Toàn T về việc tranh chấp ly hôn với bà Hà Thị Cẩm G

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Toàn T là nguyên đơn trong vụ án nên ông Nguyễn Toàn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Toàn T về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" với bà Hà Thị Cẩm G

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Toàn T được ly hôn với bà Hà Thị Cẩm G

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 15/9/2011 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T tự nguyện không yêu cầu bà G cấp nuôi dưỡng con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng.

Bà Hà Thị Cẩm G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Toàn T xác định không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Toàn T phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 300590 ngày 28/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh A; ông T không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 3 – An Giang;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Danh Phạm Ngọc Khánh